

Đơn vị:.....
Địa chỉ:.....

Mẫu số S04a1-DN
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1
Ghi Có Tài khoản 111 - Tiền mặt
Tháng..... năm.....

Số TT	Ngày	Ghi Có Tài khoản 111, ghi Nợ các Tài khoản																								Cộng Có TK 111	
		112	113	121	128	131	133	138	141	...	...	151	152	153	154	156	211	213	221	222	228	331	334	641	642		...
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8			9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	Cộng																										

Đã ghi Sổ Cái ngày.... tháng.... năm....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....
Địa chỉ:.....

Mẫu số S04a2-DN
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm
2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2
Ghi Có Tài khoản 112 - Tiền gửi không kỳ hạn
Tháng..... năm.....

Số TT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có Tài khoản 112, ghi Nợ các tài khoản															Cộng Có TK 112
	Số hiệu	Ngày, tháng		111	121	128	133	151	152	153	156	211	213	221	222	341	...	...	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
			Cộng																

Đã ghi Sổ Cái ngày ... tháng ... năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S04a3-DN
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm
2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 3
Ghi Có Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển
Tháng năm

Số dư đầu tháng:

Số TT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có Tài khoản 113, ghi Nợ các tài khoản														Cộng Có TK 113	
	Số hiệu	Ngày, tháng		112	133	151	152	153	156			331	333	341		...	...		...
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6			7	8	9		10	11	12	16
			Cộng																

Cộng số phát sinh bên Nợ theo chứng từ gốc.....

Số dư cuối tháng:

Đã ghi Sổ Cái ngày... tháng... năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....
Địa chỉ:.....

Mẫu số S04a4-DN
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 4

Ghi Có các Tài khoản

341 - Vay và nợ thuê tài chính

343 - Trái phiếu phát hành

Tháng năm

Số dư đầu tháng:

Số TT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK..., Ghi Nợ các tài khoản					Số TT	Chứng từ		Phân theo dõi thanh toán (Ghi Nợ TK..., Ghi Có các TK)			
	Số hiệu	Ngày, tháng						Cộng Có TK...		Số hiệu	Ngày tháng				Cộng Nợ TK...
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E	G	H	6	7	8	9
			Cộng												

Số dư cuối tháng:

Đã ghi sổ Cái ngày...tháng...năm
Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....
Địa chỉ:.....

Mẫu số S04a5-DN
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 5
Ghi Có Tài khoản 331 - Phải trả cho người bán

Tháng năm

Số TT	Tên đơn vị (hoặc người bán)	Số dư đầu tháng		Ghi Có TK 331, Ghi Nợ các tài khoản									Theo dõi thanh toán (ghi Nợ TK 331)					Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	152		153		151	156	211	...	Cộng Có TK 331	111	112	341	...	Cộng Nợ TK 331	Nợ	Có
				Giá HT	Giá TT	Giá HT	Giá TT												
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	14	15	16	17	18	19
	Cộng																		

Đã ghi Sổ Cái ngày ... tháng... năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....
Địa chỉ:.....

Mẫu số S04a6-DN
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 6
Ghi Có Tài khoản 151 - Hàng mua đang đi đường

Tháng năm.....

Số TT	Diễn giải	Số dư đầu tháng	Hóa đơn		Phiếu nhập		Ghi Có TK 151, ghi Nợ các tài khoản									Số dư cuối tháng
			Số hiệu	Ngày, tháng	Số hiệu	Ngày, tháng	152		153		156	157	632	...	Công Có TK 151	
							Giá HT	Giá TT	Giá HT	Giá TT						
A	B	C	D	E	G	H	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Cộng															

Đã ghi Sổ Cái ngày ... tháng... năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....
Địa chỉ:.....

Mẫu số S04a7-DN
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 7

Phần I

TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH TOÀN DOANH NGHIỆP

Ghi Có các TK: 152, 153, 154, 214, 241, 242, 334, 335, 338, 352, 356, 621, 622, 623, 627

Tháng....năm....

Số TT	Các TK Ghi Nợ	Các TK Ghi có																Các TK phản ánh ở các NKCT khác				Tổng cộng chi phí
		152	153	154	214	241	242	334	335	338	352	356	621	622	623	627	NKCT số 1	NKCT số 2	NKCT...	NKCT...		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12	14	15	16	17	19	20	21	22	23	
1	154																					
2	241																					
3	242																					
4	335																					
5	621																					
6	622																					
7	623																					
8	627																					
9	641																					
10	642																					
11	352																					
12																						
13	Cộng A																					
14	152																					
15	153																					
16	155																					
17	157																					
18	632																					
19	241																					
20	111																					
21	112																					
22	131																					
23	...																					
24	Cộng B																					
25	Tổng cộng (A+B)																					

Phần II

CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Tháng năm.....

Số TT	Tên các tài khoản chi phí sản xuất, kinh doanh	Yếu tố chi phí sản xuất, kinh doanh						Luân chuyển nội bộ không tính vào chi phí SXKD	Tổng cộng chi phí
		Chi phí Nguyên liệu, vật liệu	Chi phí nhân công	Chi phí Khấu hao TSCĐ	Chi phí dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác bằng tiền	Cộng		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1	TK 154								
2	TK 242								

3	TK 335								
4	TK 621								
5	TK 622								
6	TK 623								
7	TK 627								
8	TK 641								
9	TK 642								
10	TK 241								
11	TK 632								
12	Cộng trong tháng								
13	Lũy kế từ đầu năm								

Phần III

**SỐ LIỆU CHI TIẾT PHẦN
“LUÂN CHUYỂN NỘI BỘ KHÔNG TÍNH VÀO CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH”**

Tháng năm.....

Số TT	Tên các tài khoản chi phí sản xuất, kinh doanh	Số liệu chi tiết các khoản luân chuyển nội bộ không tính vào chi phí SXKD									
		Dịch vụ của các phân xưởng cung cấp lẫn cho nhau TK 154	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp TK 621	Chi phí nhân công trực tiếp TK 622	Chi phí sử dụng máy thi công TK 623	Chi phí sản xuất chung TK 627	Chi phí trả trước TK 242	Chi phí phải trả TK 335	...	Dự phòng phải trả TK 352	Cộng
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	TK 154										
2	TK 621										
3	TK 622										
4	TK 623										
5	TK 627										
6	TK 242										
7	TK 335										
8	TK 641										
9	TK 642										
10	TK 241										
11	TK 352										
	Cộng:										

Đã ghi sổ Cái ngày ...tháng...năm
Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....
Địa chỉ:.....

Mẫu số S04a8-DN
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

Ghi Có các TK: 155, 156, 157, 158, 131, 511, 515, 521, 632, 635, 641, 642, 711, 811, 821, 911

Tháng năm....

Số TT	Số hiệu TK ghi Nợ	Các TK ghi Có Các TK ghi Nợ	155	156	157	158	131	511	521					632	641	642	515	635	...	Cộng
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	111	Tiền mặt																		
	112	Tiền gửi không kỳ hạn																		
	113	Tiền đang chuyển																		
	131	Phải thu của khách hàng																		
	138	Phải thu khác																		
	128	Đầu tư- nắm giữ đến ngày đáo hạn																		
	222	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết																		
	511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ																		
	632	Giá vốn hàng bán																		
	911	Xác định kết quả kinh doanh																		
	...																			
		Cộng																		

Đã ghi sổ cái ngày...tháng...năm
Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....
Địa chỉ:.....

Mẫu số S04a9-DN
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 9
Ghi Có Tài khoản 211 - TSCĐ hữu hình
Tài khoản 212 - TSCĐ thuê tài chính
Tài khoản 213 - TSCĐ vô hình
Tài khoản 215 - Tài sản sinh học
Tài khoản 217 - Bất động sản đầu tư

Tháng năm.....

Chứng từ			Diễn giải	Ghi Có TK 211, ghi Nợ các TK					Ghi Có TK 212, ghi Nợ các TK					Ghi Có TK 213, ghi Nợ các TK					Ghi có TK 215, Ghi Nợ các TK					Ghi Có TK 217, ghi Nợ các TK				
Số TT	Số hiệu	Ngày, tháng		214	811	222	...	Cộng Có TK 211	211	213	214		Cộng Có TK 212	214	811	...	...	Cộng Có TK 213	152	154	632	...	Cộng Có TK 215	211	213	214	...	Cộng Có TK 217
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15						16	17	18	19	20
			Cộng																									

Đã ghi Sổ Cái ngày... tháng ... năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....
Địa chỉ:.....

Mẫu số S04a10-DN
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10

Ghi Có Tài khoản 121, 128, 136, 138, 141, 171, 221, 222, 228, 229, 243, 244, 333, 336, 337, 338, 344, 347, 353, 411, 412, 413, 414, 418, 419, 421

Số TT	Diễn giải	Số dư đầu tháng		Ghi Nợ Tài khoản..., ghi Có các tài khoản					Ghi Có Tài khoản..., ghi Nợ các tài khoản					Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	...	...	...	...	Cộng Nợ TK	...	...	...	...	Cộng Có TK	Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Cộng														

Đã ghi Sổ Cái ngày... tháng... năm....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)